

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP, Nghị định số 181/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BCT, Thông tư số 38/2025/TT-BCT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Công Thương;
- b) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- c) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương**1. Phân cấp cho Sở Công Thương:**

- a) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương, thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.
- b) Tổ chức tiếp nhận Bản tự công bố của tổ chức, cá nhân đối với các sản phẩm thuộc quyền quản lý của ngành Công Thương để lưu trữ và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của ngành Công Thương.
- c) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn theo thẩm quyền.
- d) Báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP; Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ trên địa bàn (trừ các chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản).

b) Tiếp nhận, lưu trữ bản cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP theo Mẫu số 01, Mẫu số 02.

c) Tiếp nhận, lưu trữ bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) của các cơ sở được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang (*trước sắp xếp*) phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

b) Quyết định 1990/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (*trước sắp xếp*) chỉ định Sở Công Thương tiếp nhận, quản lý bản tự công bố sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Bãi bỏ số thứ tự 84 Mục VII Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang

về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Đối với các Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được cấp hoặc ký cam kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc